

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **7111** /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **24** tháng **10** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Nghiên cứu thí điểm chi trả Dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước” trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh sách các đối tượng phải chi trả, mức chi trả, thời điểm chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 5337/BNN-TCLN ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị tham gia nghiên cứu, thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp; Công văn số 1550/TCLN-KHTC ngày 23/9/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc triển khai nghiên cứu, thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 216/TTr-SNN&PTNT ngày 11/10/2016 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Nghiên cứu thí điểm chi trả Dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước” trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Nghiên cứu thí điểm chi trả Dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước” trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu thí điểm chi trả Dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là Chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp).

2. Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu:

* **Mục tiêu chung:** Nghiên cứu và thực hiện thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả DVMTR. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc.

* **Mục tiêu cụ thể:**

- Xác định được vai trò của rừng đối với việc duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp.
- Xác định được các cơ sở sản xuất công nghiệp được hưởng lợi từ việc sử dụng dịch vụ điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất công nghiệp của rừng.
- Xác định được mức thu và phương thức thu tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp.
- Đánh giá được các tác động của việc thực thi chính sách chi trả DVMTR nước công nghiệp.
- Xây dựng được lộ trình triển khai thí điểm phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

4. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 và Công văn số 5337/BNN-TCLN ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (có Phụ lục kèm theo).
- Một số địa phương, đơn vị, chủ rừng cung cấp dịch vụ duy trì, điều tiết nguồn nước cho sản xuất công nghiệp và một số khách hàng tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp do các cơ sở sản xuất.

5. Nội dung nhiệm vụ: Theo nội dung nêu tại Công văn số 1550/TCLN-KHTC ngày 23/9/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc thực hiện chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp.
- Khảo sát, thu thập thông tin số liệu có liên quan tại tỉnh.
- Phân tích thông tin, số liệu; xây dựng báo cáo kỹ thuật và kế hoạch thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức các cuộc hội thảo tham vấn về kết quả nghiên cứu có sự tham gia của đại diện các sở, ban, ngành và các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Hoàn thiện báo cáo kỹ thuật và thống nhất kế hoạch thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Sản phẩm: Kết quả nghiên cứu thí điểm chi trả DVMTR nước công nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, kèm theo tập dữ liệu các báo cáo kỹ thuật và kế hoạch thực hiện thí điểm cơ chế chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

7. Trình tự và thời gian thực hiện:

7.1. Trình tự thực hiện

- Xây dựng tiêu chí phân loại, xác định các cơ sở sản xuất công nghiệp đại diện; tiến hành tham vấn, khảo sát thu thập thông tin về tình hình sản xuất: Mục đích sản xuất, ngành nghề kinh doanh, định mức sử dụng nước, nguồn nước...

- Lựa chọn các cơ sở đại diện, tiến hành nghiên cứu chi tiết: Xác định phạm vi, diện tích chủ rừng đầu nguồn cung ứng nước bằng phương pháp kỹ thuật bản đồ, ảnh vệ tinh... Đồng thời, tiến hành khảo sát khách hàng có sử dụng các sản phẩm công nghiệp nhằm đánh giá tác động của chính sách đến người tiêu dùng.

- Phân tích số liệu thu thập, các tài liệu có liên quan, xây dựng báo cáo kết quả thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội nghị công bố kết quả nghiên cứu đánh giá; đồng thời lấy ý kiến của các sở, ngành, đơn vị có liên quan vào dự thảo báo cáo; tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo theo đóng góp ý kiến

- Báo cáo kết quả nghiên cứu và kế hoạch thực hiện chi trả thí điểm dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

7.2. Thời gian trình phê duyệt: Quý I năm 2017.

8. Kinh phí thực hiện:

Từ nguồn hỗ trợ của Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (hỗ trợ chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế); nguồn kinh phí hoạt động và nguồn huy động hợp pháp khác của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước công việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ được giao. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện và các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan hoàn chỉnh báo cáo, trình phê duyệt kết quả và triển khai thực hiện thí điểm cơ chế chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cục Thuế tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ cung cấp thông tin phục vụ công tác nghiên cứu và triển khai thí điểm chi trả DVMTR đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước.

- Các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có sử dụng nước trong quá trình sản xuất công nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, đơn vị tư vấn tham gia nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị tư vấn phối hợp với BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp để thực hiện đảm bảo tiến độ.

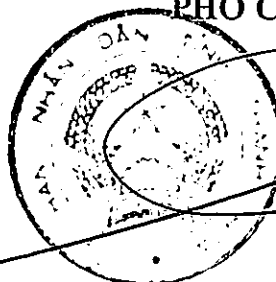
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá, Thủ trưởng các đơn vị và các doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (Truc102)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

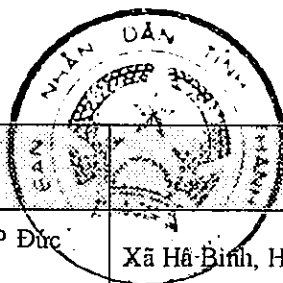


Nguyễn Đức Quyền



PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÓ SỬ DỤNG NƯỚC TRỰC TIẾP TỪ NGUỒN NƯỚC
THAM GIA THỰC HIỆN THỊ ĐIỂM CHÈ TRÁ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ
(Kèm theo Quyết định số: 4111 /QĐ-UBND ngày 24/ 10 / 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Nội dung cấp phép	Địa điểm cấp phép	Sản lượng (m ³ /năm)
1	Công ty Cổ phần mía đường Nông Công	Thăng Long - Nông Công	Khai thác nước mặt	Xã Thăng Long - Nông Công	1.770.250
2	Xí nghiệp Lam Kinh	Thọ Lâm - Thọ Xuân	Khai thác nước mặt	Xã Thọ Lâm - Thọ Xuân	43.800
3	Công ty Cổ phần XNK Rau quả Thanh Hoá	Đường Bà Triệu - Đông Thọ	Khai thác nước mặt	xã Thiết Ống - Bá Thước	255.500
4	Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn	Xã Trúc Lâm - Huyện Tĩnh Gia	Khai thác nước mặt	Xã Trúc Lâm - huyện Tĩnh Gia	10.950.000
5	Công ty Cổ phần Rượu bia Việt Hưng	Thị trấn Nhồi - Đông Sơn	Khai thác nước mặt	Thị trấn Nhồi - Đông Sơn	3.650
6	Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Bim Sơn	Xã Quang Trung - Thị xã Bim Sơn	Khai thác nước mặt	Xã Quang Trung - t.x. Bim Sơn	36.500
7	Công ty TNHH Quế Sơn	P.Ba Đình - Thị xã Bim Sơn	Khai thác nước mặt	P.Ba Đình - t.x. Bim Sơn	73.000
8	Công ty Cổ phần giấy Lam Sơn	Xã Vạn Thắng - Nông Công	Khai thác nước mặt	Xã Vạn Thắng - Nông Công	91.250
9	Công ty TNHH Triệu Thái Sơn	180, Phố Giắt, Thị trấn Triệu Sơn	Khai thác nước mặt	Xã Hợp Thắng	14.600
10	Doanh nghiệp Hải Sâm	Xã Vĩnh Minh, Vĩnh Lộc	Khai thác nước mặt	Xã Vĩnh Minh, Vĩnh Lộc	7.300
11	Doanh nghiệp Mạnh Thành	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn	Khai thác nước mặt	Xóm 6, Đông Hoàng, huyện Đông Sơn	18.250
12	Công ty Cổ phần Luyện kim Thanh Hoá	252, Ba Đình, TP Thanh Hóa	Khai thác nước mặt	252, phường Ba Đình, TP Thanh Hóa	
13	Công ty Cổ phần Nông sản T.Hóa (nhà máy chế biến hải sản Lạch Bạng)	Xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia	Khai thác nước mặt	Xã Hải Thanh, Huyện Tĩnh gia	51.100
14	Công ty Cổ phần Giấy Mực Sơn	Khu 3, Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân	Khai thác nước mặt	Khu 3, thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân	113.150
15	Công ty TNHH Trần Anh	Xã Lương Sơn, Thường Xuân	Khai thác nước mặt	Xã Lương Sơn, Thường Xuân	25.550
16	Công ty TNHH Duyệt Cường	Xuân Phú, Quan Hóa, Thanh Hóa	Khai thác nước mặt	Xã Xuân Phú , Quan Hóa	109.500
17	Xưởng sản xuất tấm lợp fibroximang- Công ty CP Lilama 5	Khu 9, Ba Đình, thị xã Bim Sơn	Khai thác nước mặt	Khu 9, Ba Đình, thị xã Bim Sơn	5.475



TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Nội dung cấp phép	Địa điểm cấp phép	Sản lượng (m ³ /năm)
18	Nhà máy Đúc cán phôi thép- HTX CP Đức Đạt, xã Hà bình, Hà Trung	Xã Hà Bình, Hà Trung, T.Hóa	Khai thác nước mặt	Xã Hà Bình, Hà Trung, T.Hóa	14.600
19	Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp T.Hoá	Đồng Xuân, Hoá Quý, Như Xuân	Khai thác nước mặt	Xã Hoá Quý, Nh Xuân	547.500
20	Cty TNHH MTV Lam Sơn Thanh Hoá	Xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc	Khai thác nước mặt	Xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc	14.600
21	Công ty Cp Giấy Bao bì Thanh Hóa	Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Khai thác nước mặt	Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	10.950
22	Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Khai thác nước mặt	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	
23	Công ty Cổ phần TM vận tải và chế biến hải sản Long Hải	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Khai thác nước mặt	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	146.000
			Khai thác nước mặt	Xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia	547.500
24	Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Khai thác nước mặt	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	127.750
	Tổng				14.977.775